TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/DS-ST
Ngày: 21-02-2024
Về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Trí Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung và ông Phan Minh Quốc.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đặng Huỳnh Hoa Lý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên.

Ngày 16 và 21 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

Anh Dương Thanh T, sinh năm 1988 và chị Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1989; Cùng địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện T, tỉnh An Giang;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Huỳnh N, sinh năm 1995 (Theo Giấy ủy quyền số 001028, quyển số: 01/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/6/2023).

- Bị đơn:

Ông Mã Phi L, sinh năm 1967 và bà Ngô Thị Thu P, sinh năm 1968; Cùng địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện T, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, bà Huỳnh N có mặt; anh Dương Thanh T và chị Lê Thị Ngọc H, ông Mã Phi L và bà Ngô Thị Thu P vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Dương Thanh T và chị Lê Thị Ngọc H do người đại diện theo ủy quyền là bà Huỳnh N trình bày:

Anh Dương Thanh T, chị Lê Thị Ngọc H có cho ông Mã Phi L, bà Ngô Thị Thu P vay tiền cụ thể như sau: Ngày 02/01/2023, 25/02/2023 ông Mã Phi L và bà Ngô Thị Thu P vay của anh Dương Thanh T, chị Lê Thị Ngọc H số tiền 10.000.000 đồng và 50.000.000 đồng, hình thức giao nhận tiền vay là chị H chuyển khoản cho ông L thông qua số tài khoản 6710280205630 mở tại Ngân hàng N1. Chiều ngày 25/02/2023 ông L, bà P tiếp tục vay thêm anh T, chị H số tiền 100.000.000 đồng bằng tiền mặt, người giao tiền cho ông L, bà P là bà Ngô Thị Tuyết L1 (mẹ ruột chị H), sau khi giao tiền thì ông L, bà P viết Biên nhận ngày 25/02/2023 có chữ ký của người làm chứng là ông Lê Hoàng Ngọc T1. Ngày 04/01/2023, ông L, bà P vay của anh T, chị H số tiền 20.000.000 đồng bằng tiền mặt, bà L1 là người giao tiền cho ông L, bà P nhưng không làm biên nhận; ngày 15/01/2023 ông L, bà P vay của anh T, chị H số tiền 20.000.000 đồng bằng tiền mặt, bà L1 là người giao tiền cho ông L, bà P và có làm Biên nhận ngày 15/01/2023 ghi gộp số tiền vay là 40.000.000 đồng gồm 20.000.000 đồng vay ngày 04/01/2023 và 20.000.000 đồng vay ngày 15/01/2023.

Sau khi vay tiền thì ông Mã Phi L và bà Ngô Thị Thu P không trả nợ gốc và lãi cho anh Dương Thanh T và chị Lê Thị Ngọc H mặc dù đã được yêu cầu nhiều lần. Do đó, ngày 13/7/2023, anh Dương Thanh T và chị Lê Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu ông Mã Phi L và bà Ngô Thị Thu P phải liên đới trả cho anh Dương Thanh T và chị Lê Thị Ngọc H tổng số tiền vay là 204.250.000 *(hai trăm lẻ bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn)* đồng (gồm: tiền nợ gốc là 200.000.000 *(hai trăm triệu)* đồng và tiền nợ lãi là 4.250.000 *(bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn)* đồng) và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 26/6/2023 cho đến khi trả hết nợ.

Tuy nhiên, anh Dương Thanh T, chị Lê Thị Ngọc H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể như sau: Do chưa tìm được bản chính Giấy biên nhận mượn tiền ngày 15/01/2023 nên anh Dương Thanh T, chị Lê Thị Ngọc H rút lại yêu cầu ông Mã Phi L và bà Ngô Thị Thu P phải liên đới trả cho anh Dương Thanh T và chị Lê Thị Ngọc H số tiền 40.000.000 *(bốn mươi triệu)* đồng theo Giấy biên nhận mượn tiền ngày 15/01/2023.

Anh Dương Thanh T, chị Lê Thị Ngọc H yêu cầu ông Mã Phi L và bà Ngô Thị Thu P phải liên đới trả cho anh Dương Thanh T và chị Lê Thị Ngọc H tổng số tiền vay là 164.250.000 *(một trăm sáu mươi bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn)* đồng (gồm: tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng, tiền nợ lãi là 4.250.000 đồng) và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 26/6/2023 cho đến khi trả hết nợ.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người làm chứng là ông Lê Hoàng Ngọc T1 trình bày: Ông là hàng xóm của nguyên đơn và bị đơn. Ngày 25/02/2023,

tại nhà bà Ngô Thị Tuyết L1, ông chứng kiến việc bà L1 có giao tiền cho ông Mã Phi L, bà Ngô Thị Thu P, còn số tiền giao nhận bao nhiêu thì ông không biết. Nguồn gốc số tiền bà L1 giao cho ông L, bà P là của ai thì ông không biết. Bà L1 và vợ chồng ông L, bà P đã thỏa thuận trước việc vay mượn tiền nên khi giao tiền đã có Biên nhận mượn tiền ngày 25/02/2023 do ông L viết sẵn có chữ ký, chữ viết ông Mã Phi L và bà Ngô Thị Thu P. Sau khi bà L1 giao tiền thì ông có ký tên làm chứng tại Biên nhận mượn tiền ngày 25/02/2023. Trước khi ký tên làm chứng thì ông có xem sơ qua Biên nhận mượn tiền ngày 25/02/2023. Do thời gian lâu quá ông không nhớ rõ chi tiết nội dung biên nhận, chỉ biết sơ lược nội dung là ông L, bà P mượn tiền bà L1. Khi giao nhận tiền có mặt bà L1, ông L, bà P và ông, ngoài ra không còn ai khác. Ngoài lần chứng kiến việc giao nhận tiền ngày 25/02/2023 ra thì ông không chứng kiến việc giao nhận tiền nào khác.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người làm chứng là bà Ngô Thị Tuyết L1 trình bày: Bà là mẹ ruột chị H, anh T là con rễ của bà, ông L, bà P với bà là anh em chú bác ruột. Nội dung vay mượn cụ thể giữa nguyên đơn và bị đơn như thế nào thì bà không biết. Bà chỉ biết là có giao tiền của anh T, chị H cho ông L, bà P mượn tại nhà riêng của bà tổng cộng 03 lần với tổng số tiền là 140.000.000 đồng, cụ thể: lần thứ nhất giao tiền mặt 20.000.000 đồng, khi giao nhận tiền thì không ai chứng kiến, không làm biên nhận; lần thứ hai giao tiền mặt 20.000.000 đồng, khi giao nhận thì không ai chứng kiến, có làm biên nhận ghi số tiền 40.000.000 đồng gồm 20.000.000 đồng lần đầu không có biên nhận cộng với 20.000.000 đồng giao lần thứ hai. Tuy nhiên, biên nhận hiện nay bà chưa tìm thấy; lần thứ ba vào ngày 25/02/2023, bà giao tiền mặt 100.000.000 đồng, ông L, bà P là người trực tiếp nhận tiền. Khi giao tiền thì ngoài bà và vợ chồng ông L, bà P thì có sự chứng kiến của ông Lê Hoàng Ngọc T1. Khi giao tiền xong thì ông L, bà P đưa Biên nhận mượn tiền ngày 25/02/2023 do ông L viết sẵn có chữ ký, chữ viết của ông L, bà P. Sau đó ông T1 ký tên làm chứng tại Biên nhận ngày 25/02/2023.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn là ông Mã Phi L và bà Ngô Thị Thu P để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông L và bà P vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông L và bà P, cũng như không tiến hành hòa giải được.

Tòa án đã ban hành thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ và thông báo cho ông Mã Phi L và bà Ngô Thị Thu P biết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng ông L và bà P cũng không có ý kiến phản hồi.

Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn là anh Dương Thanh T và chị Lê Thị Ngọc H do người đại diện theo ủy quyền là bà Huỳnh N trình bày:

Anh Dương Thanh T và chị Lê Thị Ngọc H yêu cầu Tòa án buộc ông Mã Phi L và bà Ngô Thị Thu P phải trả cho anh Dương Thanh T, chị Lê Thị Ngọc H số tiền nợ gốc là 160.000.000 *(một trăm sáu mươi triệu)* đồng, tiền lãi với mức lãi suất 0,5%/tháng tính từ ngày 25/02/2023 đến ngày 16/02/2024 trên số nợ gốc 100.000.000 đồng theo Biên nhận nợ ngày 25/02/2023 và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa trả theo lãi suất quy định pháp luật từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm đến khi trả hết nợ; rút lại yêu cầu ông Mã Phi L và bà Ngô Thị Thu P phải liên đới trả cho anh Dương Thanh T và chị Lê Thị Ngọc H số tiền 40.000.000 *(bốn mươi triệu)* đồng theo Giấy biên nhận mượn tiền ngày 15/01/2023 và tiền nợ lãi là 4.250.000 *(bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn)* đồng.

Bị đơn ông Mã Phi L và bà Ngô Thị Thu P vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn phát biểu quan điểm:

Về tố tụng:

Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tại phiên tòa, bà Huỳnh N có mặt; anh Dương Thanh T và chị Lê Thị Ngọc H, ông Mã Phi L và bà Ngô Thị Thu P vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Thanh T và chị Lê Thị Ngọc H, buộc ông Mã Phi L, bà Ngô Thị Thu P có trách nhiệm liên đới phải trả cho anh Dương Thanh T và chị Lê Thị Ngọc H số tiền nợ gốc là 160.000.000 *(một trăm sáu mươi triệu)* đồng, tiền lãi với mức lãi suất 0,5%/tháng tính từ ngày 25/02/2023 đến ngày 16/02/2024 trên số nợ gốc 100.000.000 đồng theo Biên nhận nợ ngày 25/02/2023 và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa trả theo lãi suất quy định pháp luật từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm đến khi trả hết nợ. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu bị đơn phải liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 40.000.000 *(bốn mươi triệu)* đồng theo Giấy biên nhận mượn tiền ngày 15/01/2023 và tiền nợ lãi là 4.250.000 *(bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn)* đồng do nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và tư cách tham gia tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền tổng số tiền vay là 204.250.000 *(hai trăm lẻ bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn)* đồng (gồm: tiền nợ gốc là 200.000.000 *(hai trăm triệu)* đồng và tiền nợ lãi là 4.250.000 *(bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn)* đồng) và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 26/6/2023 cho đến khi trả hết nợ nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện T, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang thụ lý vụ án dân sự và giải quyết là đúng quy định theo Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định anh Dương Thanh T và chị Lê Thị Ngọc H là nguyên đơn, ông Mã Phi L và bà Ngô Thị Thu P là bị đơn.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, ông Mã Phi L và bà Ngô Thị Thu P đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về đánh giá chứng cứ:

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ thể hiện phản bác hay chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và chứng cứ do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp Biên nhận mượn tiền ngày 25/02/2023 với số tiền vay là 100.000.000 *(một trăm triệu)* đồng có chữ ký, chữ viết của bị đơn là ông Mã Phi L, bà Ngô Thị Thu P; các Sổ phụ tài khoản tiền gửi tại ngân hàng ngày 31/12/2022 là 10.000.000 *(mười triệu)* đồng, ngày 25/02/2023 là 50.000.000 *(năm mươi triệu)* đồng, với nội dung Lê Thị Ngọc H chuyển khoản Mã Phi L.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đã thông báo việc thu thập tài liệu, chứng cứ cho bị đơn biết để thực hiện quyền của mình nhưng bị đơn đều vắng mặt và cũng không có ý kiến trình bày cũng như phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 92 và Điều 93 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xác định đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, Biên nhận mượn tiền ngày 25/02/2023, và các Sổ phụ tài khoản tiền gửi tại ngân hàng ngày 31/12/2022,

25/02/2023 được đánh giá là chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp.

Anh Dương Thanh T và chị Lê Thị Ngọc H yêu cầu ông Mã Phi L và bà Ngô Thị Thu P phải trả cho anh Dương Thanh T, chị Lê Thị Ngọc H số tiền nợ gốc là 160.000.000 *(một trăm sáu mươi triệu)* đồng, tiền lãi với mức lãi suất 0,5%/tháng tính từ ngày 25/02/2023 đến ngày 16/02/2024 trên số nợ gốc 100.000.000 đồng theo Biên nhận nợ ngày 25/02/2023 và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa trả theo lãi suất quy định pháp luật từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm đến khi trả hết nợ; rút lại yêu cầu ông Mã Phi L và bà Ngô Thị Thu P phải liên đới trả cho anh Dương Thanh T và chị Lê Thị Ngọc H số tiền 40.000.000 *(bốn mươi triệu)* đồng theo Giấy biên nhận mượn tiền ngày 15/01/2023 và tiền nợ lãi là 4.250.000 *(bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn)* đồng.

[2.2] Về tiền nợ gốc: Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, thì:

"...Điều 463. Hợp đồng vay tài sản

Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định...."

Tại Biên nhận mượn tiền ngày 25/02/2023 có chữ ký, chữ viết của ông Mã Phi L, bà Ngô Thị Thu P thể hiện ông L, bà P có vay của anh Dương Thanh T, chị Lê Thị Ngọc H với số tiền 100.000.000 đồng. Bà Ngô Thị Tuyết L1 xác định ông L, bà P có vay tiền của anh T, chị H; đồng thời bà L1 là người trực tiếp giao tiền của anh T, chị H cho ông L, bà P trực tiếp nhận. Ông Lê Hoàng Ngọc T1 là người chứng kiến việc giao nhận tiền và có ký tên với vai trò người làm chứng vào Biên nhận mượn tiền ngày 25/02/2023.

Tại các Sổ phụ tài khoản tiền gửi tại ngân hàng ngày 31/12/2022, 25/02/2023 thể hiện chị Lê Thị Ngọc H có chuyển từ tài khoản của chị Lê Thị Ngọc H vào tài khoản ông Mã Phi L lần lượt với số tiền 10.000.000 đồng, 50.000.000 đồng vào ngày 31/12/2022, 25/02/2023. Theo trình bày của nguyên đơn thì mặc dù số tiền chuyển khoản từ tài khoản của chị Lê Thị Ngọc H nhưng đây là tiền chung của vợ chồng anh Dương Thanh T, chị Lê Thị Ngọc H. Đối với tài khoản nhận tiền mặc dù đứng tên ông Mã Phi L nhưng sau mỗi lần chuyển tiền thì chị H đều có gọi điện thông báo cho bà P biết rõ việc chuyển tiền cho ông L nên có cơ sở xác định anh T, chị H có cho ông L, bà P vay 60.000.000 đồng thông qua việc chuyển khoản.

Từ khi vay ông Mã Phi L, bà Ngô Thị Thu P không trả cho anh Dương Thanh T, chị Lê Thị Ngọc H nợ gốc 160.000.000 đồng mặc dù đã được anh T, chị H yêu cầu nhiều lần.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc 160.000.000 *(một trăm sáu mươi triệu)* đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

Do nguyên đơn tự nguyện rút lại yêu cầu bị đơn phải liên đới trả nguyên đơn số tiền 40.000.000 *(bốn mươi triệu)* đồng theo Giấy biên nhận mượn tiền ngày 15/01/2023 và tiền nợ lãi là 4.250.000 *(bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn)* đồng nên cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.3] Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Theo quy định tại khoản 5 Điều 466, khoản 1 khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, thì:

"...Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay

5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

...Điều 468. Lãi suất

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác ...

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ...."

Theo Biên nhận mượn tiền ngày 25/02/2023 thì các bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 0,5%/tháng (6%/năm) không vượt quá 20%/năm là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi với mức lãi suất 0,5%/tháng (6%/năm) tính từ ngày 25/02/2023 đến ngày 16/02/2024 trên số nợ gốc 100.000.000 đồng theo Biên nhận nợ ngày 25/02/2023 *(lãi suất tính theo tháng, trường hợp kể từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm số ngày dư ra không đủ một tháng phía nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với số ngày dư)* và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa trả theo lãi suất quy định pháp luật từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm đến khi trả hết nợ là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự. Tiền nợ lãi ông Mã Phi L, bà Ngô Thị Thu P phải trả cho anh Dương Thanh T, chị Lê Thị Ngọc H là tiền lãi đối với nợ gốc 100.000.000 đồng từ ngày 25/02/2023 đến ngày 16/02/2024:

100.000.000 đồng x 0,5%/tháng x 11 tháng = 5.500.000 đồng

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ liên đới phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 160.000.000 *(một trăm sáu mươi triệu)* đồng, tiền nợ lãi là 5.500.000 *(năm triệu năm trăm nghìn)* đồng và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa trả theo lãi suất quy định pháp luật từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm đến khi trả hết nợ; Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu bị đơn phải liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 40.000.000 *(bốn mươi triệu)* đồng theo Giấy biên nhận mượn tiền ngày 15/01/2023 và tiền nợ lãi là 4.250.000 *(bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn)* đồng

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Dương Thanh T và chị Lê Thị Ngọc H đối với bị đơn là ông Mã Phi L và bà Ngô Thị Thu P.

Buộc ông Mã Phi L và bà Ngô Thị Thu P có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Dương Thanh T và chị Lê Thị Ngọc H số tiền là 165.500.000 *(một trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm nghìn)* đồng (gồm: nợ gốc là 160.000.000 đồng và nợ lãi là 5.500.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (17/02/2024) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu bị đơn phải liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 40.000.000 *(bốn mươi triệu)* đồng theo Giấy biên nhận mượn tiền ngày 15/01/2023 và tiền nợ lãi là 4.250.000 *(bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn)* đồng.

2. Về án phí: Hoàn trả cho anh Dương Thanh T và chị Lê Thị Ngọc H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.106.250 *(năm triệu một trăm lẻ sáu nghìn hai trăm năm mươi)* đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012074 ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn. Ông Mã Phi L và bà Ngô Thị Thu P phải chịu 8.275.000 *(tám triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (1);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn (1);
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lâm Trí Nguyên